



Cares your taste



**BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012**  
**CTCP Thủy sản Cửu Long**

**Mã chứng khoán: CLP**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012**

**CLP**







## NỘI DUNG

### Thông điệp của Chủ Tịch HĐQT

#### GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Thông tin khái quát
- Lịch sử hình thành và phát triển
- Lĩnh vực hoạt động
- Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu
- Sơ đồ tổ chức
- Mục tiêu và định hướng tương lai
- Rủi ro trong hoạt động kinh doanh

#### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Thông tin cổ đông

#### BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- Kế hoạch kinh doanh năm 2013
- Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán

#### BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

#### QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2012

**Kính thưa quý cô đông!**

NGUYỄN VĂN BANG

## I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Lĩnh vực hoạt động

Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu

Sơ đồ tổ chức

Mục tiêu và định hướng tương lai

Rủi ro trong hoạt động kinh doanh







## Thông tin khái quát

### Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Địa chỉ : 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 074. 3852321 / 3852236 / 3852052 / 3853390

Fax : 074. 3852078

E-mail : ctythuysancuulong@hcm.vnn.vn

Website : www.cuulongseapro.vn

### CTCP Đông lạnh Thủy sản Long Toàn

Địa chỉ : Khóm 2, thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh

Ngành nghề: Chế biến và xuất khẩu Thủy sản

Vốn điều lệ: 11 tỷ đồng

90,65%

### Công ty TNHH MTV Mỹ Long Nam

Địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh

Ngành nghề: Thu mua các mặt hàng Thủy hải sản

Vốn điều lệ: 2 tỷ đồng

100%

### CTCP Thủy sản Sao Biển

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Ngành nghề: Chế biến các loại chả cá biển đông lạnh

Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng

35%

## Lĩnh vực hoạt động

Chế biến, thu mua các mặt hàng thủy hải sản và nông súc sản;

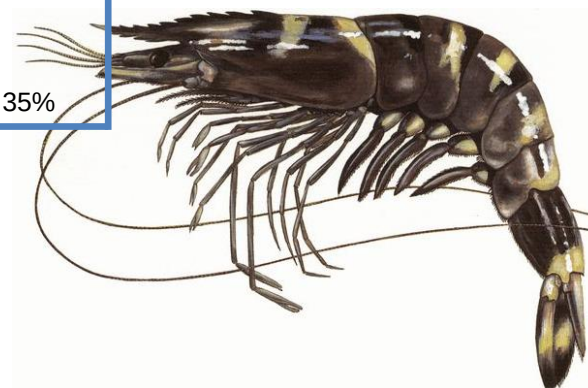
Sản xuất thức ăn thủy sản;

Kinh doanh các loại giống thủy sản, thức ăn thủy sản;

Nuôi trồng các mặt hàng thủy hải sản và nông súc sản;

Sản xuất các loại giống thủy sản;

Kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy hải sản, nông súc sản.



## Lịch sử hình thành và phát triển

**1992**

**1**

Chuyển thành tên là Công ty Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh theo quyết định số 423/QĐ-UBT ngày 22/10/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh từ tên ban đầu là Công ty Hải sản tỉnh Cửu Long. Khi đó chỉ có 1 phân xưởng chế biến với công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm.

**2000**

**2**

Đưa vào hoạt động phân xưởng chế biến II, nâng năng lực sản xuất lên 4.000 tấn sản phẩm/năm. Công ty đã chế biến được các mặt hàng giá trị gia tăng

**2003**

**3**

Đưa vào hoạt động kho lạnh 300 tấn, nâng cấp phân xưởng chế biến I. Năng lực sản xuất tăng lên 6.000 tấn sản phẩm/năm. Công ty cũng đã xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống quản lý chất lượng như HACCP, GMP, BRC, ISO 9001:2000.

**07/2003**

**4**

Công ty Thủy sản Cửu Long đã tiến hành cổ phần hóa và hoàn tất vào đầu năm 2005, đổi tên thành CTCP Thủy sản Cửu Long

**2007**

**5**

Nâng tổng công suất kho lạnh lên 1.500 tấn. Hệ thống kho trữ đông luôn bảo đảm chất lượng thành phẩm theo đúng tiêu chuẩn QLCL

**2009**

**7**

Nâng cấp phòng thí nghiệm và được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 (Mã số: VILAS 365), đồng thời nâng cấp phiên bản ISO 9001:2000 lên ISO 9001:2008.

**2008**

**6**

Đưa vào hoạt động phân xưởng chế biến III, chuyên chế biến các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng, nâng năng lực sản xuất lên 10.000 tấn sản phẩm/năm.

**15/11/2012**

**8**

Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán là CLP



## Các giải thưởng tiêu biểu





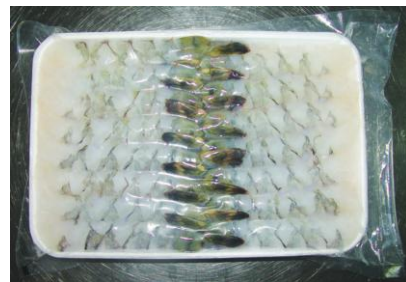
## Các sản phẩm tiêu biểu



Tôm bỏ đầu



Tôm ring



Tôm Nobashi



Tôm tẩm bột



Tôm cá, rau củ xiên que



Tôm cuộn khoai tây



## Sơ đồ tổ chức





**Mục tiêu và định hướng trong tương lai**

## Các mục tiêu chủ yếu

**Xây dựng thành công thương hiệu  
CuuLong Seapro trên thị trường xuất khẩu**

**Tập trung vào ngành nghề sản xuất chính  
sản xuất chế biến tôm xuất khẩu**

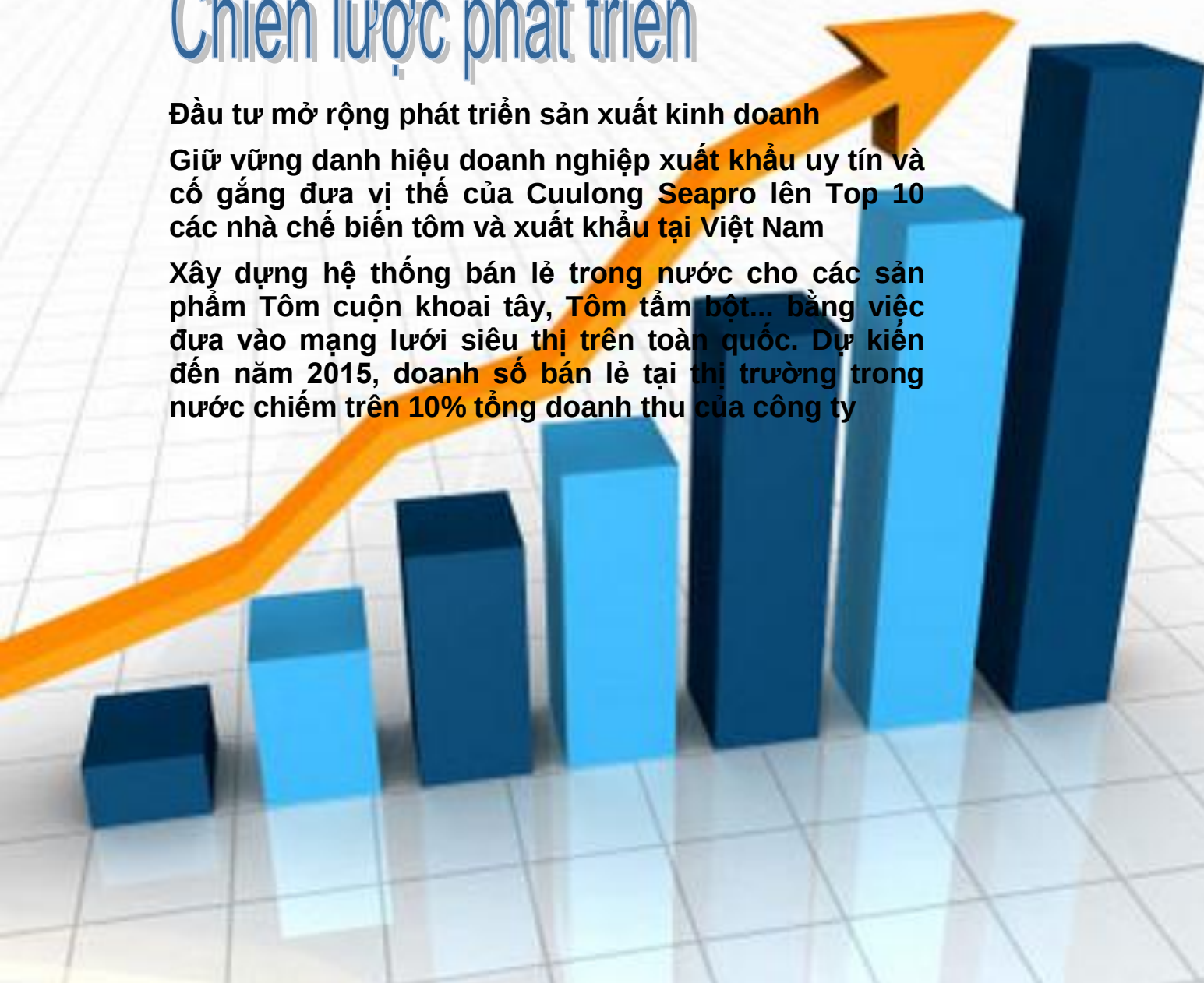


## Chiến lược phát triển

**Đầu tư mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh**

**Giữ vững danh hiệu doanh nghiệp xuất khẩu uy tín và  
cố gắng đưa vị thế của Cuulong Seapro lên Top 10  
các nhà chế biến tôm và xuất khẩu tại Việt Nam**

**Xây dựng hệ thống bán lẻ trong nước cho các sản  
phẩm Tôm cuộn khoai tây, Tôm tẩm bột... bằng việc  
đưa vào mạng lưới siêu thị trên toàn quốc. Dự kiến  
đến năm 2015, doanh số bán lẻ tại thị trường trong  
nước chiếm trên 10% tổng doanh thu của công ty**



## Rủi ro trong hoạt động kinh doanh

### Các rủi ro về kinh tế

Hoạt động xuất khẩu của công ty chịu ảnh hưởng lớn từ tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ, Nhật, EU. Trong năm 2012, trước diễn biến của cuộc khủng hoảng nợ công ở EU ngày càng trầm trọng, xuất khẩu tôm của Việt Nam sang EU bị ảnh hưởng mạnh với kim ngạch xuất khẩu giảm 24,5% so với năm 2011. Tuy vậy, riêng Thủy sản Cửu Long, xuất khẩu sang EU trong các năm qua vẫn duy trì tăng trưởng khá khả quan.



**JAPAN**  
日本



### Rủi ro từ các rào cản thương mại

Thông qua các qui định của pháp luật, các nước nhập khẩu tôm của công ty thường xuyên áp đặt các rào cản thương mại để hạn chế dòng chảy các mặt hàng tôm của Việt Nam với mục đích bảo hộ cho ngành sản xuất trong nước họ. Điển hình cho hành động này là Mỹ, với việc giám sát chặt chẽ mặt hàng tôm Việt Nam xuất sang nước này thông qua các vụ kiện chống bán phá giá, gây rủi ro cho hoạt động xuất khẩu của công ty sang thị trường trọng điểm Mỹ nếu mức thuế bị nâng lên trong tương lai.

Ngoài vấn đề chống bán phá giá, các doanh nghiệp tôm Việt Nam cũng đang bị kiện “chống trợ cấp” từ một nhóm công ty Mỹ. Nếu DOC xác định các doanh nghiệp tôm Việt Nam có nhận được “các khoản trợ cấp” không chính đáng từ chính phủ Việt Nam và USITC xác nhận có thiệt hại cho doanh nghiệp nuôi tôm Mỹ, thì các doanh nghiệp Việt Nam sẽ bị áp một khoản “thuế chống trợ giá” bổ sung trên hàng nhập khẩu vào Mỹ, làm tăng chi phí xuất khẩu tôm sang Mỹ, gây khó khăn hơn cho xuất khẩu tôm sang thị trường này. Có thể thấy, các rào cản thương mại từ các nước nhập khẩu là rủi ro tiềm tàng trong hoạt động kinh doanh của công ty.

### Rủi ro từ các hàng rào kỹ thuật

Tôm là một nguồn thực phẩm quan trọng được xuất khẩu đi tiêu thụ chủ yếu ở các nước phát triển (Nhật, Mỹ, EU, Canada, Hàn Quốc...) nên vấn đề chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được các nước quản lý gắt gao, phần nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, phần nhằm tạo ra các “hàng rào kỹ thuật” để hạn chế sản lượng tôm nhập khẩu vào nước họ. Nổi bật nhất trong vấn đề này là các rào cản, qui định về các chất kháng sinh đối với sản phẩm tôm khi xuất khẩu vào Nhật. Với đặc tính nuôi trồng ở Việt Nam, tôm thành phẩm thường dễ vi phạm các qui định về giới hạn chất kháng sinh cấm theo qui định của Nhật Bản. Sau Trifluralin năm 2010, rồi đến Enrofloxacin năm 2011 và gần đây nhất là Ethoxyquin, luôn gây “đau đầu” cho doanh nghiệp tôm và các cơ quan chức năng của ngành, khiến xuất khẩu tôm của Việt Nam nói chung và Cửu Long nói riêng sang Nhật bị ảnh hưởng nghiêm trọng.



### Rủi ro về lãi suất

Đặc trưng của công ty nói riêng và các doanh nghiệp thủy sản nói chung, nợ vay thường chiếm tỷ lệ cao nhằm đảm bảo đủ vốn lưu động trong kinh doanh. Do đó, biến động của lãi suất sẽ tác động mạnh đến chi phí hoạt động của công ty, làm thay đổi lớn kết quả lợi nhuận.



### Rủi ro nguồn tôm nguyên liệu

Hoạt động sản xuất, xuất khẩu của công ty phụ thuộc lớn vào nguồn tôm nguyên liệu. Tuy nhiên, tôm là loài động vật thân mềm với sức đề kháng yếu nên thường dễ mắc các mầm bệnh từ bên ngoài và chết. Từ cuối năm 2011 đến nay, dịch bệnh trên tôm hoành hành đã gây thiệt hại lớn cho người nuôi và gây thiếu hụt nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến. Có thể thấy, các loại dịch bệnh trên tôm sẽ luôn là rủi ro thường trực trong việc đảm bảo đầu vào sản xuất của công ty.



### Rủi ro từ các quy định, chính sách trong nước

Bên cạnh những chính sách, quy định hỗ trợ của nhà nước, công ty cũng thường bị tác động tiêu cực từ một số chính sách, quy định bất cập, làm gia tăng chi phí, giảm sức cạnh tranh so với doanh nghiệp các nước khác, như quy định về cơ chế kiểm tra an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu theo thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/08/2011 của Bộ NN&PTNT, đã làm phát sinh chi phí kiểm tra không hợp lý, làm giảm sức cạnh tranh sản phẩm của công ty.



## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tổ chức và nhân sự**

**Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án**

**Tình hình tài chính**

**Thông tin cổ đông**



## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

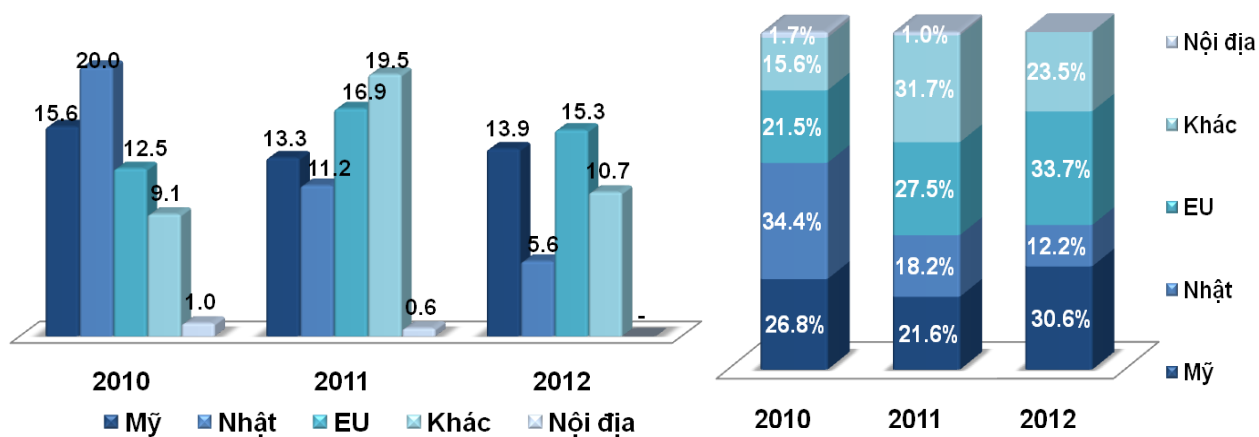
| Đơn vị: triệu đồng          | Thực hiện<br>2012 | Kế hoạch<br>2012 | Thực<br>hiện 2011 | % So với<br>KH 2012 | +/- %<br>2011 |
|-----------------------------|-------------------|------------------|-------------------|---------------------|---------------|
| <b>Tổng tài sản</b>         | 559.011           | -                | 616.229           | -                   | 90,71%        |
| <b>Sản lượng sản xuất</b>   | 6.528,0           | -                | 7.404,0           | -                   | 88,17%        |
| <b>Sản lượng tiêu thụ</b>   | 5.260,3           | -                | 6.109,8           | -                   | 86,10%        |
| - Tiêu thụ xuất khẩu        | 4.733,7           | -                | 5.552,9           | -                   | 85,25%        |
| - Tiêu thụ nội địa          | 526,6             | -                | 556,9             | -                   | 94,56%        |
| <b>Kim ngạch xuất khẩu</b>  | 40,70             | 76,76            | 60,83             | 53,02%              | 66,91%        |
| <b>Doanh thu thuần</b>      | 977.039           | 1.535.000        | 1.349.924         | 63,65%              | 72,38%        |
| <b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>    | -18.228           | -                | 21.372            | -                   | -85,29%       |
| <b>Lợi nhuận khác</b>       | 7.152             | -                | 2.615             | -                   | 273,50%       |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | -9.573            | 35.000           | 25.725            | -27,35%             | -37,21%       |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | -9.594            | -                | 23.857            | -                   | -40,21%       |
| <b>Tỉ lệ cổ tức</b>         | 0%                | 20%              | 18%               | 0,00%               | 0,00%         |

Hoạt động kinh doanh của ngành thủy sản gặp vô vàn khó khăn năm 2012, trong đó, tôm là sản phẩm thủy sản xuất phải đối mặt với nhiều khó khăn nhất từ cả nội tại trong nước và thị trường xuất khẩu bên ngoài. Trong năm 2012, hội chứng tôm chết sớm (EMS) tiếp tục hoành hành, gây thiệt hại nặng nề cho bà con nông dân và doanh nghiệp, làm thiếu hụt nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu lại bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi rào cản kỹ thuật về chất kháng sinh Ethoxyquin từ thị trường Nhật, thị trường Mỹ tiêu thụ chậm và giá xuất khẩu giảm mạnh. Điều này khiến kim ngạch xuất khẩu và doanh thu thuần của công ty giảm mạnh lần lượt là 33,09% và 27,62% so với năm 2011, chỉ đạt lần lượt là 53,02% và 63,65% kế hoạch 2012, kéo theo lợi nhuận gộp 2012 cũng giảm mạnh 20,21% so với 2011 (dù tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ từ 7,13% năm 2011 lên 7,86% năm 2012).

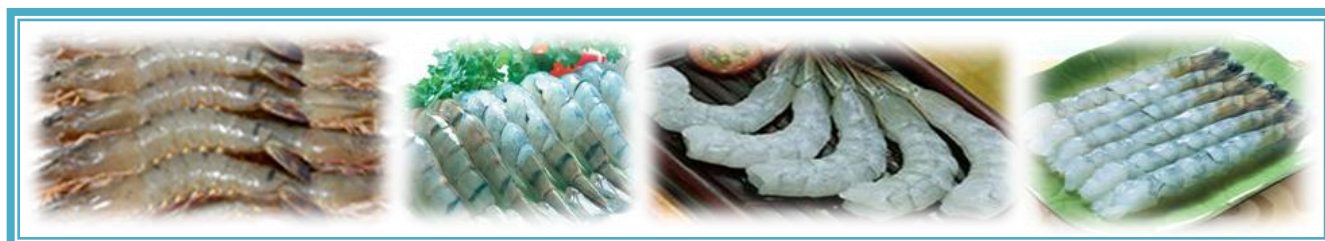
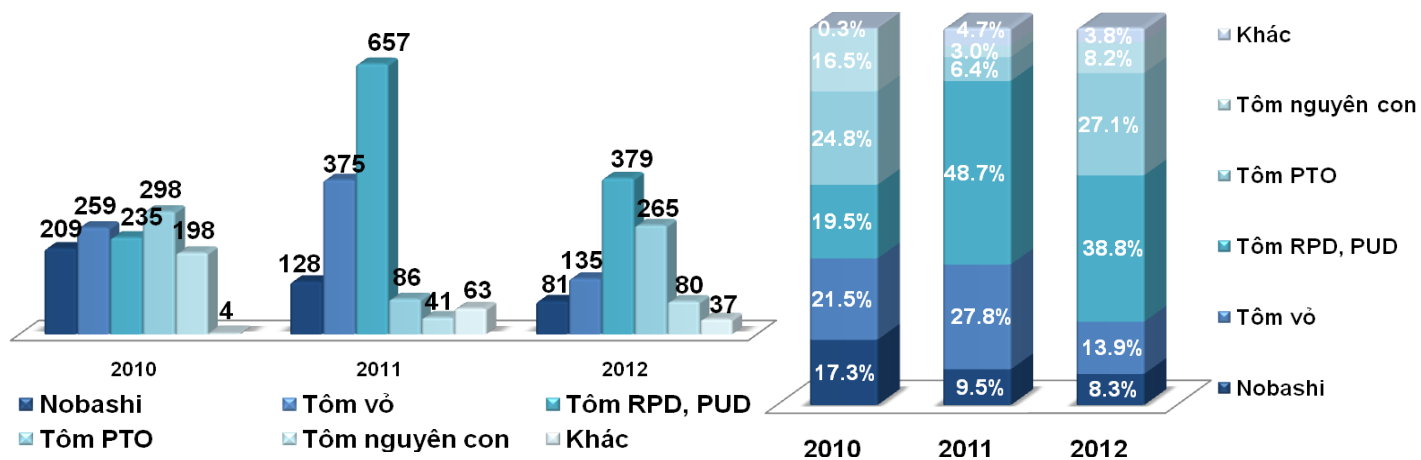
Trong khi đó, doanh thu tài chính từ lãi chênh lệch tỷ giá năm 2012 cũng bị giảm mạnh 14,1 tỷ đồng so với năm 2011 do tỷ giá ổn định trong năm 2012. Điều này đã làm kết quả kinh doanh năm 2012 lỗ 9,59 tỷ đồng.

## Cơ cấu xuất khẩu năm 2012

Giá trị (triệu USD) và cơ cấu xuất khẩu theo thị trường



Giá trị (tỷ đồng) và cơ cấu xuất khẩu theo sản phẩm





## Tổ chức và nhân sự

### Các thành viên Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Khai thác Thủy sản

**Quá trình công tác:**

10/1985 - 12/1993: Cán bộ kỹ thuật KCS Xí nghiệp Đông lạnh 30/4 Vĩnh Long.

01/1994 - 12/1995: Cán bộ kỹ thuật KCS Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long.

01/1998 - 09/1998: Phó quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long.

01/1998 - 09/1998: Trợ lý Giám đốc kiêm Trưởng phòng kế hoạch Công ty Thủy sản Cửu Long.

10/1998 - 02/2001: Phó Giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long.

03/2001 - 14/03/2005: Giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long.

15/03/2005 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.

**Cổ phiếu nắm giữ:** 2.717.451 cổ phiếu, chiếm 33,97% vốn điều lệ

Trong đó, cá nhân: 100.000 cổ phiếu, chiếm 1,25% vốn điều lệ. **Đại diện nhà nước:** 2.617.451, chiếm 32,72% vốn điều lệ.

Ông: Nguyễn Văn Bang

Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Ông: Trần Thanh Lễ

Chức vụ: **Phó CT HĐQT**

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Công nghệ Thực phẩm

**Quá trình công tác:**

10/1986 - 12/1989: Tổ trưởng KCS Nhà máy Đông lạnh 2/9.

01/1990 - 11/1990: Phó ban điều hành sản xuất Nhà máy Đông lạnh 2/9.

12/1990 - 12/1995: Phó quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9

01/1996 - 12/1997: Quyền quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long.

01/1998 - 12/2001: Phó ban công trình nâng cấp và mở rộng Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long.

01/2002 - 04/2003: Quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9 CTCP Thủy sản Cửu Long.

01/05/2003 - 15/05/2003: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Thủy sản Cửu Long.

19/05/2003 - 14/03/2005: Phó Giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long.

15/03/2005 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thủy sản Cửu Long.

**Cổ phiếu nắm giữ:** cá nhân nắm giữ 80.000 cổ phiếu, chiếm 1% vốn điều lệ

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Chế biến Thủy sản

**Quá trình công tác:**

12/1982 - 04/1987: Đội trưởng sản xuất Xí nghiệp Đông lạnh 19/05.

05/1987 - 12/1989: Trưởng ban Ca Xí nghiệp Đông lạnh 2/9.

01/1990 - 08/1991: Cán bộ kỹ thuật, Liên hiệp các xí nghiệp thủy sản Cửu Long.

09/1991 - 04/1996: Quản đốc Công ty Thủy sản Cửu Long.

05/1996 - 03/1997: Trưởng Văn phòng Amanda Cửu Long Seapro Shrimp Co.

04/1997 - 14/03/2005: Phó Giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long.

15/03/2005 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Thủy sản Cửu Long.

**Cổ phiếu nắm giữ:** 13.300 cổ phiếu, chiếm 0,17% vốn điều lệ

Ông: Diệp Công Phước

Chức vụ: **Thành viên HĐQT**

Ông: Lê Thanh Bình

Chức vụ: **Thành viên HĐQT**

**Trình độ chuyên môn:** Trung cấp tài chính kế toán.

**Quá trình công tác:**

10/1978 - 12/1989: Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản Cửu Long.

01/1990 - 09/1992: Kế toán trưởng Liên hiệp các xí nghiệp Thủy sản Cửu Long.

10/1992 - 14/03/2005: Kế toán trưởng Công ty Thủy sản Cửu Long.

15/03/2005 - 30/04/2011: Thành viên HĐQT/Kế toán trưởng Công ty Thủy sản Cửu Long.

Từ 01/05/2011 – 20/04/2012: Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính công ty.

Từ 21/04/2012 đến nay: Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty.

**Cổ phiếu nắm giữ:** 71.000 cổ phiếu, chiếm 0,89% vốn điều lệ

Ông: Trương Thanh Tân

Chức vụ: Thành viên HĐQT

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư

**Quá trình công tác:**

1995 - 1997: Văn phòng đại diện của Nichimen Corporation.

1997 - 2000: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thực phẩm Đà Lạt – Nhật Bản.

2000 - nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Công Nghệ Vĩnh Thanh.

30/03/2010 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Thủy sản Cửu Long.

**Cổ phiếu nắm giữ:** 4.000 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

2005 - 2006: Cán bộ Ban đầu tư, BIDV.

2007 - nay: Chuyên viên phân tích, Phó phòng, Trưởng phòng, Bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục, Công ty liên doanh Quản lý đầu tư BIDV – Vietnam Partners kiêm thành viên HĐQT CTCP Thủy sản Cửu Long.

**Cổ phiếu nắm giữ:** 1.575.000 cổ phiếu, chiếm 19,7% vốn điều lệ, là phần đại diện cho Quỹ Đầu tư Việt Nam)

Bà: Đỗ Lan Hương

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Bà: Trần Thị Thu Trà

Chức vụ: Thành viên HĐQT

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

2004 - 2006: Chuyên viên tín dụng, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2007 - 2008: Phó Giám đốc tài chính, Thành viên HĐQT CTCP Bảo Hiểm Bảo Tín.

07/2008 - nay: Chuyên viên đầu tư Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh khu vực phía Nam.

04/2011 - nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ khí Ngân Hàng kiêm thành viên HĐQT CTCP Thủy sản Cửu Long



## Các thành viên Ban Giám Đốc

Các Ông Nguyễn Văn Bang – Tổng Giám Đốc, Trần Thanh Lễ - Phó Tổng Giám Đốc, Lê Thanh Bình – Phó Tổng Giám Đốc, Diệp Công Phước – Phó Tổng Giám Đốc, thông tin đã nêu ở trên

Bà: Lê Thị Thanh Ngân

Chức vụ: **Quyền Kế toán trưởng**

**Trình độ chuyên môn:** Đại học kế toán tổng hợp

**Quá trình công tác:**

11/2000 - 14/03/2005: Kế toán thanh toán, Công ty Thủy sản Cửu Long.

15/03/2005 - 06/2007: Kế toán tổng hợp, thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thủy sản Cửu Long.

07/2007 - 02/2008: Kế toán phó kiêm Kế toán tổng hợp, thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thủy sản Cửu Long.

03/2008 - 30/03/2010: Phó Trưởng phòng kế toán, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thủy sản Cửu Long

04/2010 – 20/04/2012: Phó Trưởng phòng kế toán CTCP Thủy sản Cửu Long.

Từ 21/04/2012 - nay: Quyền Kế toán trưởng CTCP Thủy sản Cửu Long.

**Cổ phiếu nắm giữ:** 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,012% vốn điều lệ.

## Các thành viên Ban Kiểm Soát

Bà: Hồ Thị Á

Chức vụ: **Trưởng ban BKS**

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Tài chính Kế toán

**Quá trình công tác:**

1980 - 1992: Cán bộ chuyên quản (quản lý TCDN) Sở Tài chính, tỉnh Cửu Long.

1992 - 1995: Trưởng phòng TCDN (quản lý TCDN) Sở Tài chính, tỉnh Trà Vinh.

1995 - 1999: Cục phó Cục Quản lý Vốn và Tài sản tại doanh nghiệp, tỉnh Trà Vinh.

1999 - 31/07/2012: Trưởng phòng TCDN (quản lý TCDN) Sở Tài chính, tỉnh Trà Vinh.

Từ năm 2002 đến nay: Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, tỉnh Trà Vinh (nay đổi tên là Quỹ Đầu tư tỉnh Trà Vinh).

Từ 15/03/2005 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thủy sản Cửu Long.

**Cổ phiếu nắm giữ:** 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Công nghệ thông tin

**Quá trình công tác:**

07/2001 - 14/03/2005: Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản Cửu Long.

15/03/2005 - 30/03/2010: Nhân viên kế toán CTCP Thủy sản Cửu Long.

30/03/2010 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Thủy sản Cửu Long.

**Cổ phiếu nắm giữ:** 2.130 cổ phiếu, chiếm 0,027% vốn điều lệ.

Bà: Nguyễn Thị Liễu Tuyền

Chức vụ: **Thành viên BKS**

Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhanh

Chức vụ: **Thành viên BKS**

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Chế biến Thủy sản

**Quá trình công tác:**

07/1987 - 12/1990: Tổ phó KCS Công ty Thủy sản Cửu Long.

01/1991 - 12/1997: Tổ trưởng KCS Công ty Thủy sản Cửu Long.

01/1998 - 05/2000: Phó quản đốc phân xưởng phụ trách kỹ thuật Công ty Thủy sản Cửu Long.

06/2000 - 06/2004: Phó Trưởng phòng KTCN Công ty Thủy sản Cửu Long.

07/2004 - 14/03/2005: Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ Công ty Thủy sản Cửu Long.

15/03/2005 - 29/03/2010: Trưởng phòng KTCN CTCP Thủy sản Cửu Long.

30/03/2010 - 30/11/2011: Trưởng phòng KTCN kiêm Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thủy sản Cửu Long.

01/12/2011 - nay: Trưởng phòng Tổ chức hành chánh kiêm Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thủy sản Cửu Long.

**Cổ phiếu nắm giữ:** 50.000 cổ phiếu, chiếm 0,625% vốn điều lệ.

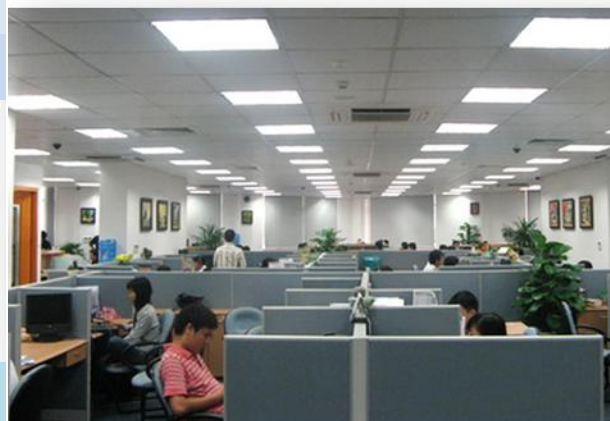
## Những thay đổi trong Ban điều hành

| STT | Ban điều hành       | Năm sinh   | Chức vụ         | Ghi chú                  |
|-----|---------------------|------------|-----------------|--------------------------|
| 1   | Bà Đỗ Lan Hương     | 10/10/1982 | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 17/04/2012 |
| 2   | Bà Trần Thị Thu Trà | 04/09/1981 | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 17/04/2012 |

## Thông kê lao động

Số lượng và thu nhập bình quân người lao động qua các năm (đồng/người/tháng)

| Chỉ tiêu                                | SL<br>(người) | Năm  | Mức lương bình<br>quân |
|-----------------------------------------|---------------|------|------------------------|
| <b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b> |               | 2010 | 2.865.000              |
| Hợp đồng có xác định thời hạn           | 36            | 2011 | 3.160.000              |
| Hợp đồng không xác định thời hạn        | 787           | 2012 | 3.338.000              |
| Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)       | 0             |      |                        |
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>823</b>    |      |                        |
| <b>Theo trình độ lao động</b>           |               |      |                        |
| Trên đại học                            | 0             |      |                        |
| Đại học                                 | 48            |      |                        |
| Cao đẳng – Trung cấp                    | 98            |      |                        |
| Phổ thông                               | 677           |      |                        |
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>823</b>    |      |                        |







## Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại CTCP Thủy sản Cửu Long đều có hợp đồng lao động theo đúng quy định của Luật Lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

Cửu Long thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Bộ phận văn phòng và bộ phận sửa chữa làm việc giờ hành chính. Riêng bộ phận vận hành máy làm việc 3 ca/ngày, mỗi ca 8 tiếng. Bộ phận bảo vệ và IQF trực ca không quá 12h/ngày.

Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động. Trường hợp tôm nguyên liệu nhiều cần giải phóng kho bãi, tránh ứ đọng, Ban lãnh đạo có thể thỏa thuận với Chủ tịch công đoàn sắp xếp cho người lao động tiếp tục làm việc và bố trí nghỉ bù vào ngày khác.

Công ty thực hiện những chế độ phúc lợi như: nghỉ lễ, Tết, nghỉ thai sản, hậu sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng quy định Nhà nước. Bên cạnh đó, công ty còn giải quyết tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ dài hơn nếu có nhu cầu. Công ty tham gia đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn đầy đủ cho toàn thể cán bộ nhân viên. Hỗ trợ 100% chi phí mua bảo hiểm tai nạn con người theo nhóm cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của công ty.

### **Chính sách đào tạo**

Hằng năm, công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ, đào tạo ngoài theo yêu cầu của các bộ phận và đề nghị của Giám đốc nhân sự như: các lớp học về trình độ nghiệp vụ xuất nhập khẩu, kế toán, marketing, các lớp về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, các lớp về nâng cao năng lực quản lý của cán bộ cao cấp của công ty và các khóa học khác.

### **Chính sách lương, thưởng:**

Công ty trả lương dựa trên tiền lương do công ty xây dựng, trên cơ sở tham khảo mặt bằng của các đơn vị cùng ngành nghề, theo cơ chế khoán sản phẩm theo sản lượng sản xuất.

Hằng năm công ty đều xem xét và nâng đơn giá tiền lương cho khối trực tiếp sản xuất và nâng mức lương khoán đối với khối văn phòng để đảm bảo nguồn thu nhập ổn định và ngày càng cao cho người lao động.

Hằng năm, công ty tổ chức bình xét khen thưởng theo xếp hạn, tiêu chí công ty quy định đưa vào ngày công, năng suất, hiệu quả làm việc.





## Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### Các khoản đầu tư lớn

Không có khoản đầu tư lớn nào trong năm 2012

### Tình hình kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết

#### Công ty con: Công ty CP Thủy sản Đông Lạnh Long Toàn

Doanh Thu: 183.835.344.640 đồng

Lợi nhuận trước thuế: -11.726.989.047 đồng

#### Công ty con: Công ty TNHH Mỹ Long Nam

Doanh Thu: 414.961.920.976 đồng

Lợi nhuận trước thuế: 84.769.259 đồng

Thuế TNDN: 20.465.216 đồng

Lợi nhuận sau thuế: 64.304.043 đồng

#### Công ty liên kết: Công ty CP Thủy sản Sao Biển

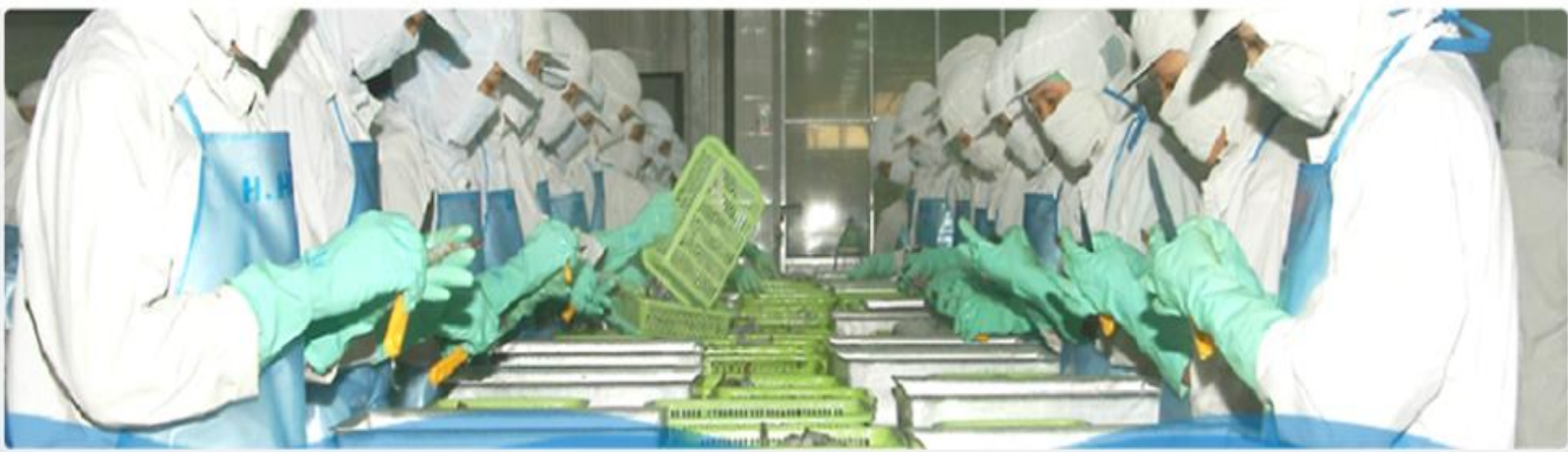
Doanh Thu: 131.513.222.998 đồng

Lợi nhuận trước thuế: 4.705.829.771 đồng

Thuế TNDN: 454.324.371 đồng

Lợi nhuận sau thuế: 4.251.504.400 đồng

Năm 2012 tình hình sản xuất kinh doanh của Sao Biển ổn định, hiệu quả với tỉ lệ cổ tức là 10%/mệnh giá. Cổ tức được chia từ Công ty liên kết 2012 là 1.050.000.000 đ.





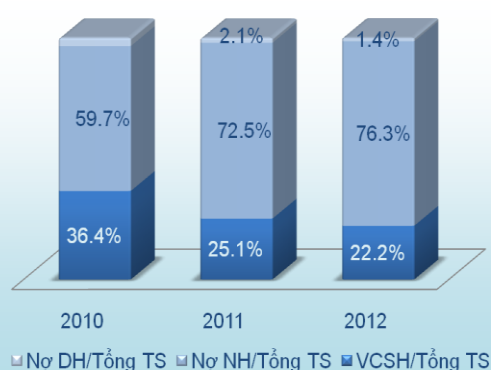
## Tình hình tài chính



| Chỉ tiêu             | 2011      | 2012    | % tăng/giảm |
|----------------------|-----------|---------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 607.086   | 559.011 | -7,92%      |
| Doanh thu thuần      | 1.349.924 | 977.039 | -27,62%     |
| Lợi nhuận HĐKD       | 21.372    | -12.127 | -156,74%    |
| Lợi nhuận khác       | 2.615     | 7.152   | 273,50%     |
| Lợi nhuận trước thuế | 25.725    | -9.573  | -137,21%    |
| Lợi nhuận sau thuế   | 23.857    | -9.594  | -140,21%    |
| Tỷ lệ cổ tức         | 18%       | 0%      | -100,00%    |

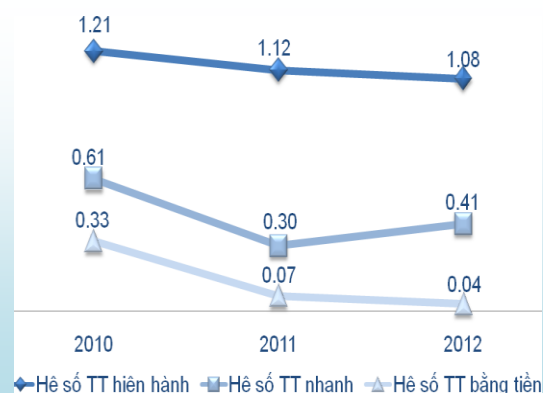
## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

### Cơ cấu nguồn vốn



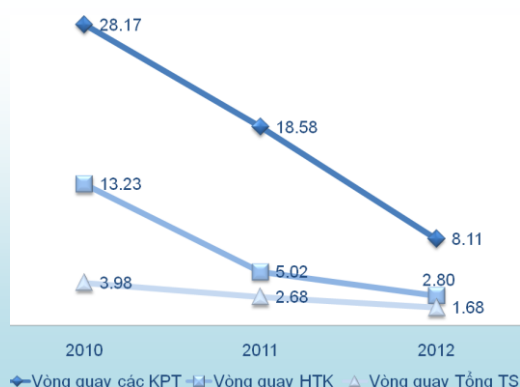
Nợ phải trả của công ty sau khi tăng mạnh trong năm 2011 (chủ yếu do vay nợ ngắn hạn tăng gấp đôi từ 205 tỷ năm 2010 lên 411 tỷ năm 2011) đã giảm nhẹ trở lại năm 2012 khi công ty chủ động giảm vay nợ ngắn hạn trong điều kiện tình hình kinh doanh không thuận lợi. Dù vậy, tỷ trọng nợ ngắn hạn trên tổng nguồn vốn đang tăng dần từ 59,7% cuối năm 2010 lên 76,3% cuối năm 2012, kéo tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn giảm từ 36,4% cuối năm 2010 xuống 22,2% cuối năm 2012.

## Khả năng thanh toán



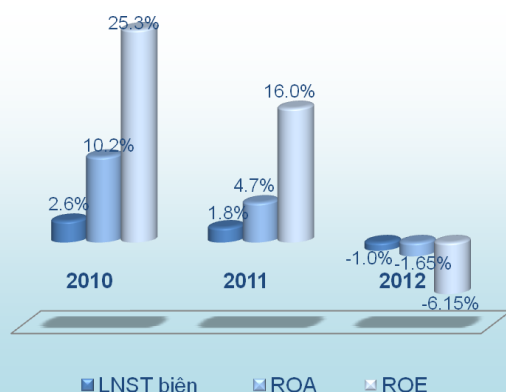
Khả năng thanh toán hiện hành của công ty đang suy giảm nhẹ (từ 1,21 lần năm 2010 xuống 1,08 lần năm 2012), chủ yếu do công ty chủ động tăng vay nợ để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho kinh doanh. Tuy vậy, khả năng thanh toán nhanh sau khi giảm mạnh năm 2011 đã cải thiện trở lại năm 2012 cho thấy khả năng điều tiết giữa sản xuất và tiêu thụ của công ty đã hợp lý hơn.

## Hiệu quả hoạt động



Trước tình hình kinh doanh ngày càng khó khăn, hầu hết các doanh nghiệp tôm đều bị ảnh hưởng tiêu cực, làm suy giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh. Là một trong những doanh nghiệp tôm lớn, CLP cũng không nằm ngoài tác động đó, thể hiện qua vòng quay hàng tồn kho giảm dần từ 13,23 vòng năm 2010 xuống 2,8 vòng năm 2012. Vòng quay các khoản phải thu cũng đang giảm khá mạnh từ 28,17 vòng năm 2010 xuống 8,11 vòng năm 2012.

## Khả năng sinh lời



Trước tình hình kinh doanh ngày càng khó khăn của ngành, khả năng sinh lời của công ty cũng đang giảm dần trong các năm qua. Trong bối cảnh các chi phí hoạt động đều tăng dần như chi phí sản xuất, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng, trong khi giá bán sản phẩm không có nhiều cải thiện, tỷ suất lợi nhuận sau thuế của công ty đang giảm dần từ 2,6% năm 2010 xuống -1,0% năm 2012. ROA và ROE cũng đang giảm dần khi lợi nhuận ngày càng kém đi.

## Thông tin cổ đông

### Cơ cấu cổ đông

| Cổ đông                   | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ/Vốn cổ phần |
|---------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>7.859.100</b>   | <b>98,24%</b>     |
| – Tổ chức                 | 5.878.173          | 73,48%            |
| – Cá nhân                 | 1.980.927          | 24,76%            |
| <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>140.900</b>     | <b>1,76%</b>      |
| – Tổ chức                 | -                  | -                 |
| – Cá nhân                 | 140.900            | 1,76%             |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>8.000.000</b>   | <b>100,00%</b>    |

### Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ chốt ngày 31/12/2012

| Tên cổ đông                                                  | Địa chỉ                                                                | Giấy CNĐKKD   | Số cổ phần       | Tỷ lệ %       |
|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|---------------|
| <b>Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)</b> | Số 117 đường Trần Khánh Dư, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội | 0101992921    | 3.617.451        | 32,72%        |
| <b>Quỹ Đầu tư Việt Nam</b>                                   | Tầng 10, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội             | 03/UBCK-TLQTV | 1.575.000        | 19,69%        |
| <b>Công ty TNHH Công Nghệ Vĩnh Thanh</b>                     | 14 D9, đường Thảo Điền, Q2, TP.HCM                                     | 0302046586    | 862.620          | 10,78%        |
| <b>Tổng cộng</b>                                             |                                                                        |               | <b>6.055.071</b> | <b>63,19%</b> |



Trong năm 2012, CTCP Thủy sản Cửu Long không thực hiện bất kỳ đợt phát hành tăng vốn nào, cũng như không tiến hành giao dịch cổ phiếu trong năm. Vốn điều lệ của công ty vẫn duy trì ở mức 80 tỷ đồng.

### III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Kế hoạch kinh doanh năm 2013

Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán



## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| <i>Đơn vị: triệu đồng</i>   | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2012 | Thực hiện 2011 | % So với KH 2012 | +/- % 2011 |
|-----------------------------|----------------|---------------|----------------|------------------|------------|
| <b>Sản lượng sản xuất</b>   | 6.528,0        |               | 7.404,0        |                  | 88,17%     |
| <b>Sản lượng tiêu thụ</b>   | 5.260,3        |               | 6.109,8        |                  | 86,10%     |
| - Tiêu thụ xuất khẩu        | 4.733,7        |               | 5.552,9        |                  | 85,25%     |
| - Tiêu thụ nội địa          | 526,6          |               | 556,9          |                  | 94,56%     |
| <b>Kim ngạch xuất khẩu</b>  | 40,70          | 76,76         | 60,83          | 53,02%           | 66,91%     |
| <b>Doanh thu thuần</b>      | 977.039        | 1.535.000     | 1.349.924      | 63,65%           | 72,38%     |
| <b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>    | -18.228        |               | 21.372         |                  | -85,29%    |
| <b>Lợi nhuận khác</b>       | 7.152          |               | 2.615          |                  | 273,50%    |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | -9.573         | 35.000        | 25.725         | -27,35%          | -37,21%    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | -9.594         |               | 23.857         |                  | -40,21%    |
| <b>Tỉ lệ cổ tức</b>         | 0%             | 20%           | 18%            | 0,00%            | 0,00%      |

Năm 2012 là một năm thật sự khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Mặc dù công ty đã cố gắng tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và không thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2012.

### Một số tồn tại và nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch năm 2012

#### *Tình hình nguyên liệu*

Giá nguyên liệu trong nước ở mức cao trong khi giá bán liên tục giảm theo đà thị trường đã ảnh hưởng lớn đến doanh thu, lợi nhuận của công ty tại thời điểm chính vụ. Tại địa phương, đã xảy ra hiện tượng tôm chết hàng loạt nên sản lượng thu hoạch giảm từ đó tạo nên sự cạnh tranh về giá mua giữa các công ty trong nước cho những cỡ tôm có nhu cầu cao trên thị trường. Tình hình nguyên liệu tiếp tục biến động liên tục vào thời điểm trái vụ tác động xấu đến những hợp đồng đang thực hiện do phải duy trì sản xuất để ổn định việc làm cho người lao động, giữ chân khách hàng tạo cơ hội cho năm tiếp theo.

#### *Tình hình xuất khẩu vào các thị trường chính*

**Thị trường Nhật:** chiếm 8% tổng kim ngạch 2012, một trong những thị trường chính của công ty là Nhật Bản đã liên tục áp dụng nhiều quy định nhằm hạn chế sản lượng tôm nhập khẩu từ Việt Nam: đầu tiên là việc kiểm soát chất Trifluralin, tiếp đến là nhóm kháng sinh Enrofloxacin/Ciprofloxacin và gần đây nhất là chất chống oxy hóa Ethoxyquin. Việc này đã làm



tăng chi phí kiểm nghiệm và giảm kim ngạch xuất khẩu của công ty vào thị trường này. Hiện tại, thị trường Nhật của công ty chỉ chiếm khoảng 8% trên tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm mạnh so với 2011 khoảng 61%. Đây thật sự là một trở ngại lớn cho công ty vì thị trường này hàng năm rất ổn định về sản lượng, vòng quay vốn nhanh, mặt hàng sản xuất có giá trị cao.

*Thị trường Mỹ + Canada:* chiếm 37% kim ngạch của công ty trong năm 2012, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế các đơn hàng chỉ tập trung vào tôm sú và thẻ cỡ nhỏ từ 26/30 con/lb, mặt bằng giá mua của thị trường này liên tục giảm do có sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong nước và các nước Ấn Độ, Thái Lan... đã làm giảm doanh số và lợi nhuận.

*Thị trường EU:* chiếm 46% tổng giá trị kim ngạch 2012, suy thoái kinh tế kéo dài đã làm giảm sức mua của thị trường, giá bán cũng giảm khoảng 20-30% cho từng cỡ tôm so với cùng thời điểm năm 2011 đã làm giảm kim ngạch của công ty khoảng 13% so với 2011. Việc liên tục hạ giá bán vào lúc chính vụ tôm sú của các nhà sản xuất tôm từ Ấn độ, Bangladesh và Nam Mỹ đã làm giảm thị phần của công ty đến 13% vào nhóm thị trường này.

Công ty đang tìm những thị trường thay thế nhưng hiện tại thị phần quá nhỏ, manh mún, chưa tạo được sự bền vững như các thị trường chính nêu trên.

### ***Giá xuất khẩu***

Trong năm tất cả chi phí đầu vào đều tăng do lạm phát và hàng tồn kho 2011, trong khi giá bán liên tục giảm theo nhu cầu của thị trường đã tạo nên sự mất cân đối giữa giá thành và giá bán làm ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận trong năm. Về mặt bằng giá bán năm 2012 đã giảm khoảng 20-30% so với năm 2011.

### ***Tình hình lao động***

Ngày càng có sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường lao động tại địa phương đã tạo nên sự khan hiếm lao động vào những thời điểm chính vụ dẫn đến việc giảm sản lượng đáng kể. Mặc dù công ty có nhiều chính sách giữ chân người lao động nhưng đặc thù sản xuất của ngành đã không hấp dẫn phần lớn lao động trẻ hiện nay, xu hướng chuyển sang ngành nghề khác ngày càng cao.

### ***Nguồn vốn***

Nguồn vốn hoạt động của công ty là vốn vay ngân hàng nên chi phí tài chính rất cao là một trong những nguyên nhân làm giảm lợi nhuận.

- Do khủng hoảng tài chính và nợ công, rào cản kỹ thuật về hàng rào thuế quan do các nước nhập khẩu qui định như các chỉ tiêu kiểm tra dư lượng kháng sinh, hóa chất, thuế chống phá giá khiến cho sức tiêu thụ mặt hàng tôm đông lạnh bị sụt giảm, đồng thời tỷ giá usd và đồng việt nam ngày càng xuống thấp không thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu.

### **Những tiến bộ công ty đã đạt được về kinh doanh trong năm 2012:**

Nghiên cứu thành công sản phẩm mới Tôm Sushi IBE, là sản phẩm giá trị gia tăng thường được xuất khẩu vào Nhật, nhưng công ty đã tiếp thị thành công sản phẩm này vào thị trường

A background image of a beach with waves crashing onto the shore. In the foreground, there is a seashell and some sand.

EU và Hàn Quốc, tạo tiền đề quan trọng để gia tăng xuất khẩu vào hai thị trường này từ năm nay 2013. Sản phẩm tôm ring cũng được công ty tiếp thị thành công vào các siêu thị ở EU. Điều này đã giúp cho kim ngạch xuất khẩu của công ty năm 2012 vào thị trường EU chỉ giảm nhẹ 9,36%, trong khi xuất khẩu tôm của cả nước vào thị trường này năm 2012 giảm mạnh đến 24,5%.

Công ty đã đề ra chủ trương thực hành tiết kiệm ở các bộ phận trong năm 2012, đưa ra định mức chi phí cho từng bộ phận để cắt giảm chi phí hoạt động một cách hiệu quả.

Công ty cũng đã tiết giảm phần nào chi phí tài chính nhờ luôn theo sát diễn biến thị trường, chủ động cân đối giữa vay ngắn hạn bằng USD và VND để đảm bảo chi phí tài chính thấp nhất.

## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

Tổng tài sản của công ty đã giảm mạnh trong năm, từ 607 tỷ đồng cuối năm 2011 xuống 559 tỷ đồng cuối năm 2012 do sự suy giảm cả về tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.

Tài sản dài hạn giảm từ 115,3 tỷ cuối năm 2011 xuống 99,5 tỷ đồng cuối năm 2012 do công ty không đầu tư thêm tài sản cố định nào mới, trong khi phải giảm trừ giá trị sổ sách do khấu hao.

Tài sản ngắn hạn cũng giảm nhẹ từ 491,8 tỷ đồng cuối năm 2011 xuống 458,9 tỷ đồng cuối năm 2012, chủ yếu do sự suy giảm mạnh của hàng tồn kho trong năm từ 357,6 tỷ đồng cuối năm 2011 xuống 286,2 tỷ đồng cuối năm 2012 (tương ứng hàng tồn kho/tổng tài sản giảm từ 58,9% xuống 51,2%) do vấn đề nguyên liệu cho chế biến gặp khó khăn. Trong khi đó, các khoản phải thu lại tăng mạnh từ 87,9 tỷ đồng cuối năm 2011 lên 145,6 tỷ đồng cuối năm 2012 (tương ứng các khoản phải thu/tổng tài sản tăng từ 14,6% lên 27,3%) khi công ty chấp nhận cho khách hàng chậm thanh toán hơn. Ngoài ra, cùng với việc thanh toán ròng gần 20,4 tỷ đồng nợ vay ngân hàng, đã làm lượng tiền mặt của công ty giảm từ 32,2 tỷ đồng cuối 2011 xuống 15,3 tỷ đồng cuối năm 2012.

### Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của công ty đã giảm từ 452,8 tỷ đồng cuối năm 2011 xuống 434,6 tỷ đồng cuối năm 2012, do công ty đã giảm được cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

Nợ ngắn hạn giảm chủ yếu do công ty đã thanh toán ròng 15,2 tỷ đồng nợ vay ngân hàng trong năm 2012 dù tình hình kinh doanh không thuận lợi. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ ngắn hạn trên tổng nguồn vốn của công ty vẫn tăng từ 72,5% cuối năm 2011 lên 76,3% cuối năm 2012. Nợ dài hạn cũng giảm từ 12,5 tỷ đồng cuối năm 2011 xuống 8 tỷ đồng cuối năm 2012.

Trong năm 2011, trước tình hình biến động tăng mạnh của tỷ giá VND/USD (khi chính phủ chủ động phá giá VND 9,3% so với USD ngay từ đầu năm 2011), công ty được hưởng lợi lớn từ khoản lãi chênh lệch tỷ giá, giúp doanh thu tài chính đạt đến 23,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong năm 2012, tỷ giá hầu như ổn định nên việc hưởng lợi từ chênh lệch tỷ giá của công ty đã không còn nhiều, doanh thu tài chính giảm mạnh chỉ còn 3,6 tỷ đồng.

### Giá trị sổ sách tại 31/12/2012

| STT | Chỉ tiêu                    | Đvt     | 31/12/2012      |
|-----|-----------------------------|---------|-----------------|
| 1   | Tổng tài sản                | Đồng    | 559.011.124.190 |
| 2   | Tổng nợ                     | Đồng    | 434.572.205.774 |
| 3   | Vốn chủ sở hữu              | Đồng    | 124.058.024.285 |
| 4   | Tổng số CP lưu hành         | CP      | 8.000.000       |
| 5   | Giá trị sổ sách mỗi cổ phần | Đồng/CP | 15.507          |



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách, quản lý

Công ty đã xây dựng được cơ cấu tổ chức đi vào hoạt động ổn định, phát huy được chức năng, quyền hạn và tính hiệu quả của các phòng ban.

Các cán bộ chủ chốt được đào tạo các khóa học ngắn hạn cả về chuyên môn lẫn quản lý nhằm nâng cao kiến thức, kinh nghiệm để đáp ứng đòi hỏi công việc ngày một phức tạp hơn.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của nhà nước và chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.

## Kế hoạch kinh doanh năm 2013

Tiếp tục đẩy mạnh lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu tôm. Trong đó, công ty sẽ nâng cấp nhà xưởng, bổ sung thiết bị cấp đông, đầu tư mua xe tải lạnh... và đào tạo công nhân lành nghề cũng như đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và tuyển thêm nhân sự mới có trình độ cao, nhằm khai thác tối đa nguồn lực và khả năng của công ty. Kế hoạch kinh doanh của công ty năm 2013 như sau

| Chỉ tiêu                        | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2013 | +/- %   |
|---------------------------------|----------------|---------------|---------|
| Sản lượng sản xuất (tấn)        | 6.528          | 6.950         | 6,46%   |
| Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD) | 45,5           | 55,0          | 20,88%  |
| Doanh thu thuần (tỷ đồng)       | 977            | 1.300         | 33,06%  |
| Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)  | -9,6           | 25,9          | 369,79% |
| Tỷ lệ cổ tức                    | 0%             | 15%           | -       |

## Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2013

**Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh phát triển đa dạng hoá sản phẩm giữ vững thị trường xuất khẩu, an toàn vệ sinh thực phẩm**

Giữ vững uy tín Cửu Long Seapro trên các thị trường lớn là Nhật, Mỹ, EU...

Đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thêm mặt hàng mới như tôm Sushi và chủ động tìm kiếm thêm khách hàng mới nhằm đẩy mạnh tiêu thụ.

Sản xuất mặt hàng tôm thẻ chân trắng chiếm khoảng 40% kế hoạch kinh doanh 2013.

Tăng cường kiểm tra dư lượng kháng sinh từ nguồn nguyên liệu mua vào đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn xuất khẩu và khôi phục lại doanh số tại thị trường Nhật.

### ***Công tác thu mua nguyên liệu***

Tranh thủ mọi nguồn nguyên liệu, giữ mức tồn kho hợp lý theo từng thời điểm, quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Từng bước tạo vùng nuôi cho công ty diện tích 20 ha nhằm giải quyết một phần nguyên liệu đầu vào của công ty, đồng thời xây dựng chứng nhận về vùng nuôi nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

### **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Không có vì ý kiến của kiểm toán chấp nhận hoàn toàn



## IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



## **Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty**

Năm 2012 là một năm vô vàn khó khăn của ngành thủy sản, trong đó, tôm là mặt hàng gặp nhiều khó khăn nhất. Tuy nhiên, nhờ sự linh hoạt trong điều hành, chủ động tiếp cận thị trường, siết chặt quản lý chi phí, hoạt động kinh doanh của công ty nhìn chung vẫn đi đúng hướng. Dù kết quả kinh doanh không tích cực, nhưng công ty đã tạo ra được nền tảng tốt về thị trường, quản lý chi phí, tổ chức nhân sự, tạo tiền đề vững chắc hơn cho hoạt động của công ty trong các năm tiếp theo.

Trong năm 2012, xuất khẩu tôm sang thị trường Nhật gặp nhiều khó khăn do vấn đề Ethoxyquin. Tuy nhiên, các thị trường khác như Mỹ, EU, công ty vẫn duy trì kim ngạch xuất khẩu khá tốt gần tương đương mức năm 2011 bất chấp xuất khẩu tôm của cả nước sang hai thị trường này cũng gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, mạng lưới khách hàng của công ty ở khu vực EU được mở rộng do công ty tiếp thị thành công hai mặt hàng là Sushi IBE và tôm ring vào thị trường này.

Nhà xưởng, máy móc thiết bị đã đi vào giai đoạn hoạt động ổn định, tạo thuận lợi cho công ty trong việc duy trì sản xuất. Các đơn hàng xuất khẩu luôn được công ty đảm bảo giao hàng đúng tiến độ, đúng chất lượng nhờ tuân thủ đúng quy trình chế biến, các quy chế, quy định trong sản xuất.

Toàn bộ CBCNV công ty đã triển khai, thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong nước, các quy định về xuất nhập khẩu, an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, ổn định và hiệu quả cao.

Công tác quản lý, chăm lo đời sống người lao động đã được công ty thực hiện khá tốt, chính sách tiền lương luôn được công ty quan tâm. Dù tình hình hoạt động năm 2012 gặp nhiều khó khăn nhưng công ty vẫn cố gắng tăng dần thu nhập cho người lao động, để duy trì lực lượng lao động ổn định, giúp họ an tâm về cuộc sống, cống hiến lâu dài cho hoạt động của công ty.

## **Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trước bối cảnh khó khăn lớn của ngành trong năm 2012, Ban Giám Đốc công ty đã thể hiện sự nhạy bén, chủ động, linh hoạt trong điều hành, giúp giảm thiểu tối đa các thiệt hại cho công ty trong hoạt động kinh doanh. Các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban Giám Đốc thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng và quyền hạn đã được quy định.

Ban Giám đốc luôn bám sát chặt chẽ, liên tục các mặt hoạt động kinh doanh của công ty nhằm thông báo và phối hợp cùng với Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định phù hợp, kịp thời, xử lý nhanh, chính xác các vướng mắc trong kinh doanh, tận dụng các cơ hội thị trường, đảm bảo thực hiện tốt nhất các mục tiêu mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.



Hoạt động quản lý rủi ro luôn được Ban Giám Đốc coi trọng. Công tác rà soát, đánh giá các rủi ro trong hoạt động kinh doanh luôn được thực hiện thường xuyên nhằm phòng ngừa, ngăn chặn các tổn thất từ xa. Các chi phí hoạt động được Ban Giám Đốc chủ động kiểm soát khá tốt.

Công tác chăm sóc, mở rộng, tìm kiếm khách hàng luôn được Ban Giám Đốc chủ động thực hiện trong năm 2012, nhằm tạo nền tảng tốt trong các năm tiếp theo. Luôn theo sát, nghiên cứu nhu cầu thị trường để đưa ra các dòng sản phẩm mới phù hợp thị hiếu luôn thay đổi của người tiêu dùng.

## **Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**

### **Tiếp tục hoàn thiện và củng cố cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý:**

Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch dài hạn, công ty sẽ tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các công cụ quản lý như: hệ thống các Quy chế, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý... Các quy chế như: Quy chế về hoạt động sáng kiến, Quy chế phân phối tiền lương, Quy chế đào tạo nguồn nhân lực... sẽ tiếp tục được cập nhật hoàn thiện hơn. Việc cung cấp thông tin cho công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời, minh bạch cũng là một nhiệm vụ trọng tâm mà công ty hướng tới.

### **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Cơ cấu lại bộ máy tổ chức của công ty theo chương trình đào tạo “Đổi mới và nâng cao năng lực quản lý” để củng cố và nâng cao hiệu quả công việc của CBCNV công ty nhằm đáp ứng ngày tốt hơn các mục tiêu và nhiệm vụ của công ty trong hiện tại cũng như tương lai.

### **Củng cố, nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông**

Trong năm 2013, công ty sẽ tích cực và chủ động vào các chương trình nâng cao vị thế của công ty trong cộng đồng, tăng cường quảng bá hình ảnh và nâng cao giá trị thương hiệu CuuLong Seapro trong cũng như ngoài nước, tiếp tục khẳng định và giữ vững vị thế công ty trong ngành.

Mối quan hệ với cổ đông và công chúng đầu tư nói chung thông qua việc công bố thông tin, tiếp xúc trực tiếp... cũng sẽ được công ty tiếp tục quan tâm đẩy mạnh trong năm 2013.



## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát

Giao dịch cổ phiếu

Quan hệ cổ đông

## Hội đồng quản trị

### Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 cuộc họp định kỳ theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư. Bên cạnh đó, tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các vấn đề khi cần thiết để phục vụ công tác quản trị và sản xuất kinh doanh của công ty.

| STT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ           | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự                                                                                                                       |
|-----|----------------------|-------------------|---------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Ông Nguyễn Văn Bang  | Chủ tịch HĐQT     | 06/06               | 100%  |                                                                                                                                           |
| 02  | Ông Trần Thanh Lễ    | Phó chủ tịch HĐQT | 06/06               | 100%  |                                                                                                                                           |
| 03  | Ông Diệp Công Phước  | Thành viên        | 06/06               | 100%  |                                                                                                                                           |
| 04  | Ông Lê Thanh Bình    | Thành viên        | 06/06               | 100%  |                                                                                                                                           |
| 05  | Ông Trương Thanh Tân | Thành viên        | 05/06               | 83%   | Vắng 1 buổi do bận việc cá nhân                                                                                                           |
| 06  | Bà Trần Thị Thu Trà  | Thành viên        | 03/06               | 50%   | Thành viên HĐQT được bầu bổ sung nhiệm kỳ 2010-2015 kể từ ngày 17/04/2012 được thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2011 nên tham dự 3 buổi họp |
| 07  | Bà Đỗ Lan Hương      | Thành viên        | 03/06               | 50%   | Thành viên HĐQT được bầu bổ sung nhiệm kỳ 2010-2015 kể từ ngày 17/04/2012 được thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2011 nên tham dự 3 buổi họp |

Các văn bản do hội đồng quản trị được ban hành kịp thời và dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động kinh doanh của công ty.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị còn được thông qua công tác kiểm toán định kỳ hàng năm.

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác: Hội đồng quản trị công ty thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, việc thực hiện điều lệ, tổ chức hoạt động của công ty và Nghị quyết của ĐHCĐ, từ đó có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

Thực hiện nhiệm vụ định hướng hoạt động của công ty, thực hiện giám sát và chỉ đạo, định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Hội đồng quản trị công ty tổ chức họp để xem xét giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban điều hành công ty. Qua các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã có những quyết định hoặc định hướng nhằm giúp ban điều hành công ty có cơ sở thực hiện nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

## **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và các cấp quản lý**

HĐQT giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và định hướng, Nghị quyết đã được Đại hội đồng thông qua.

Thông qua kiểm tra, giám sát và công tác kiểm toán định kỳ, vốn của cổ đông được bảo toàn, việc sử dụng vốn của công ty đúng mục đích. Duyệt và chỉ đạo thực hiện việc huy động vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2012.

Quy hoạch và sử dụng cán bộ, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi, đánh giá và có những quyết định về tổ chức và nhân sự phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo Tổng Giám đốc kiện toàn tổ chức và bộ máy quản lý của công ty nhằm phục vụ tốt nhất việc điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của công ty.

Hiện tại, công ty đang thực hiện việc sắp xếp và cơ cấu lại bộ máy tổ chức để đảm bảo tinh gọn và hiệu quả; xem xét lại nhân sự của từng phòng ban, bộ phận để bố trí công việc phù hợp cho từng nhân viên nhằm phát huy tối đa hiệu quả công việc được phân công. Nhân sự được tiết giảm ở từng phòng ban thuộc khối văn phòng sẽ được điều động đến tăng cường cho hoạt động sản xuất của Nhà máy đồng thời vẫn đảm bảo hiệu quả công việc của từng phòng ban.

Trong năm bổ nhiệm chức danh quyền kế toán trưởng để Phó tổng giám đốc tài chính không còn kiêm kế toán trưởng Công ty.

## **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành hoạt động theo điều lệ, quy chế HĐQT và quy chế quản trị của công ty.



## Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có các tiểu ban Hội đồng quản trị

## Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2012

| STT | Thành viên<br>HĐQT | Chức vụ    | Nội dung                                                                                                                             |
|-----|--------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | 02/BB/HĐQT         | 29/02/2012 | Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh 2011 và thông qua chương trình chuẩn bị ĐHCĐ thường niên 2011                                 |
| 02  | 05/BB/HĐQT         | 10/04/2012 | Báo cáo công việc thực hiện chuẩn bị ĐHCĐ thường niên 2011 được tổ chức vào 17/04/2012 và lấy ý kiến về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng |
| 03  | 04/QĐ/HĐQT         | 21/04/2012 | Bổ nhiệm Kế toán trưởng                                                                                                              |
| 04  | 06/BB/HĐQT         | 14/05/2012 | Chốt danh sách cổ đông và thời điểm chi trả cổ tức 2011                                                                              |
| 05  | 07/BB/HĐQT         | 09/08/2012 | Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2012 và đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch 2012                                            |
| 06  | 01/NQ/HĐQT         | 09/10/2012 | Điều chỉnh giá niêm yết dự kiến trong hồ sơ niêm yết với Sở GD&ĐT TP.HCM và thời gian niêm yết                                       |

## **Ban Kiểm soát**

### **Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Năm 2012 Ban kiểm soát có 03 thành viên được ổn định từ đầu năm đến cuối năm. Để thực hiện nhiệm vụ theo quy định trong điều lệ, Ban kiểm soát phân công từng thành viên trong Ban cụ thể: một thành viên trực tiếp kiểm soát tài chính kế toán doanh nghiệp; một thành viên trực tiếp kiểm soát khâu tổ chức sản xuất và một thành viên phụ trách chung đi sâu kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Ban kiểm soát đã đề ra quy chế hoạt động và trong quá trình hoạt động các thành viên theo chức năng nhiệm vụ được phân công luôn bám sát quy chế và điều lệ để thực thi nhiệm vụ.

Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ. Nội dung các cuộc họp liên quan đến các vấn đề kiểm tra phân tích báo cáo quyết toán quý năm; quản lý sử dụng vốn; chi phí giá thành; đầu tư dài hạn; đầu tư tài chính; hiệu quả kinh doanh và một số vấn đề liên quan đến điều hành.

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012, Ban kiểm soát đã chú trọng đến những hoạt động kiểm tra, giám sát trên một số lĩnh vực như: xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ năm 2012 liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch hoạt động của năm 2012; xem xét, đánh giá các vấn đề trọng yếu trong hoạt động của công ty. Tìm hiểu các số liệu liên quan nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn hoặc những thiếu sót trong quá trình hoạt động SXKD từ đó đề xuất những giải pháp và kiến nghị phù hợp cho cơ quan điều hành; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý năm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, xem xét các ảnh hưởng của các sai sót về kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc trong việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán đưa ra.

### **Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT và thành viên Ban TGD**

Trong các kỳ họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã đề xuất một số ý kiến về các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành, quản lý của công ty: Tổ chức và chọn phương thức quản lý các khoản chi tiêu nội bộ; đầu tư mở rộng ngành nghề cũng như việc đầu tư cải tiến máy móc thiết bị phù hợp với tình hình sản xuất.

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của công ty và đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc

xây dựng kế hoạch chiến lược trung dài hạn cũng như việc thực hiện các mục tiêu đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Nhìn chung các đề xuất của Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị quan tâm, khắc phục và triển khai.

## Kiến nghị của Ban Kiểm Soát

Để đáp ứng nhu cầu thực tế phát triển của Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị quan tâm công tác đào tạo, đào tạo lại, chú trọng công tác quy hoạch cán bộ.

Quan tâm đến khâu đảm bảo an toàn chất lượng nhằm hạn chế đến mức thấp nhất hàng hóa bị trả lại.

Quan tâm thu hồi nợ, đẩy mạnh tiêu thụ điều chỉnh khâu sản xuất - tiêu thụ - dự trữ tồn kho để đảm bảo sử dụng vốn tốt nhất và tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh.

## Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát

Đvt: đồng

| 1 | Hội đồng quản trị        | Chức vụ           | Thù lao            |
|---|--------------------------|-------------------|--------------------|
|   | Ông Nguyễn Văn Bang      | Chủ tịch HĐQT     | 96.000.000         |
|   | Ông Trần Thanh Lễ        | Phó chủ tịch HĐQT | 78.000.000         |
|   | Ông Diệp Công Phước      | Ủy viên HĐQT      | 60.000.000         |
|   | Ông Lê Thanh Bình        | Ủy viên HĐQT      | 60.000.000         |
|   | Ông Trương Thanh Tân     | Ủy viên HĐQT      | 60.000.000         |
|   | Bà Trần Thị Thu Trà      | Ủy viên HĐQT      | 40.000.000         |
|   | Bà Đỗ Lan Hương          | Ủy viên HĐQT      | 40.000.000         |
|   | <b>Tổng cộng</b>         |                   | <b>434.000.000</b> |
| 2 | Ban kiểm soát            |                   |                    |
|   | Bà Hồ Thị Á              | Trưởng Ban BKS    | 48.000.000         |
|   | Bà Nguyễn Thị Hồng Nhanh | Thành viên BKS    | 24.000.000         |

|  |                          |                |                   |
|--|--------------------------|----------------|-------------------|
|  | Bà Nguyễn Thị Liễu Tuyền | Thành viên BKS | 24.000.000        |
|  | <b>Tổng cộng</b>         |                | <b>96.000.000</b> |

## Giao dịch cổ phiếu

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2012, cổ đông nội bộ không thực hiện bất kỳ giao dịch cổ phiếu nào

### Giao dịch cổ phiếu của những người liên quan đến cổ đông nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Mua/Bán |
|-----|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|---------|
|     |                           |                            | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |         |
| 01  | <b>Trần Thị Thu Hương</b> | Người có liên quan         | 0                         | 0%    | 15.000                     | 0,18% | Mua     |
| 02  | <b>Nguyễn Thu Hiền</b>    | Người có liên quan         | 0                         | 0%    | 10.000                     | 0,12% | Mua     |
| 03  | <b>Trương Huy Vũ</b>      | Người có liên quan         | 0                         | 0%    | 14.000                     | 0,17% | Mua     |

## Nhận xét

Năm 2012, Hội đồng quản trị của CTCP Thủy sản Cửu Long đã thực hiện tốt tất cả các nội dung theo các quy định của pháp luật về quản trị công ty. Không có nội dung nào chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.



## Quan hệ cổ đông

Thiết nghĩ hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa CLP và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Việc kết nối hệ thống Ezsearch với sự hỗ trợ của CTCP Chứng khoán FPT đã tạo ra một cổng thông tin đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu tìm hiểu và phân tích của các nhà đầu tư quan tâm đến CLP.

<http://www.cuulongseapro.vn/index.php?module=news&function=thongbao&flag=1>

hoặc: <http://ezsearch.fpts.com.vn/Services/EzData/default2.aspx?s=1119>

CLP luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012**



## Ý kiến kiểm toán

Số: 2129/12/BCKT/AUD-VVALUES

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 26 tháng 03 năm 2013 (từ trang 07 đến trang 42) của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long và công ty con là Công ty Cổ phần Đông lạnh Thủy sản Long Toàn (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”).

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất thuộc về Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên công việc kiểm toán.

#### Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long và Công ty con là Công ty Cổ phần Đông lạnh Thủy sản Long Toàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013.



---

**Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số: 1523/KTV

Chữ ký được ủy quyền

A blue ink signature, likely belonging to Đào Vũ Thiên Long, written on a white background.

---

**Đào Vũ Thiên Long- Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số: 1739/KTV



## Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NGÀY 31/12/2012 (Đơn vị: đồng)

| Mã số      | TÀI SẢN                                          | Thuyết minh | Cuối năm               | Đầu năm                |
|------------|--------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>100</b> | <b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                       |             | <b>458.944.320.792</b> | <b>491.791.110.980</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>     | 5.1         | <b>15.276.575.112</b>  | <b>32.242.131.397</b>  |
| 111        | 1. Tiền                                          |             | 15.276.575.112         | 32.242.131.397         |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                    |             | -                      | -                      |
| <b>120</b> | <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>   |             | -                      | -                      |
| 121        | 1. Đầu tư ngắn hạn                               |             | -                      | -                      |
| 129        | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn |             | -                      | -                      |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>          |             | <b>152.487.208.896</b> | <b>88.417.290.483</b>  |
| 131        | 1. Phải thu của khách hàng                       | 5.2         | 145.605.845.153        | 87.861.056.673         |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán                       | 5.3         | 5.794.679.125          | 707.456.920            |
| 138        | 3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác              | 5.4         | 1.403.401.107          | 89.561.275             |
| 139        | 4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)       | 5.5         | (316.716.489)          | (240.784.385)          |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                          |             | <b>286.208.529.297</b> | <b>357.619.805.587</b> |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                                  | 5.6         | 286.208.529.297        | 357.619.805.587        |
| 142        | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)            |             | -                      | -                      |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                  |             | <b>4.972.007.487</b>   | <b>13.511.883.513</b>  |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                    | 5.7         | 357.300.311            | 483.156.756            |
| 152        | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ           |             | 1.807.419.767          | 3.279.435.398          |
| 154        | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước      | 5.8         | 2.453.959.462          | 1.031.435.865          |
| 158        | 4. Tài sản ngắn hạn khác                         | 5.9         | 353.327.947            | 8.717.855.494          |
| <b>200</b> | <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                        |             | <b>100.066.803.398</b> | <b>115.294.892.447</b> |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                       |             | <b>87.155.923.369</b>  | <b>101.853.758.699</b> |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                      | 5.10        | 87.075.052.754         | 101.769.657.684        |
| 222        | - Nguyên giá                                     |             | 169.792.024.255        | 170.044.443.917        |
| 223        | - Giá trị hao mòn lũy kế                         |             | (82.716.971.501)       | (68.274.786.233)       |
| 227        | 3. Tài sản cố định vô hình                       | 5.11        | 80.870.615             | 84.101.015             |
| 228        | - Nguyên giá                                     |             | 90.920.000             | 90.920.000             |
| 229        | - Giá trị hao mòn lũy kế                         |             | (10.049.385)           | (6.818.985)            |
| 230        | 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang               |             | -                      | -                      |
| <b>240</b> | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                  |             | -                      | -                      |
| 241        | - Nguyên giá                                     |             | -                      | -                      |
| 242        | - Giá trị hao mòn lũy kế                         |             | -                      | -                      |
| <b>250</b> | <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>    | 5.12        | <b>11.967.101.125</b>  | <b>12.804.740.913</b>  |
| 251        | 1. Đầu tư vào công ty con                        |             | -                      | -                      |
| 252        | 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh       |             | 11.670.501.125         | 12.508.140.913         |
| 258        | 3. Đầu tư dài hạn khác                           |             | 296.600.000            | 296.600.000            |
| 259        | 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn  |             | -                      | -                      |
| <b>270</b> | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                  |             | <b>727.898.904</b>     | <b>315.072.835</b>     |
| 271        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                     | 5.14        | 727.898.904            | 315.072.835            |

|            |           |                                |      |                        |                        |
|------------|-----------|--------------------------------|------|------------------------|------------------------|
| 272        | 2.        | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại |      | -                      | -                      |
| 278        | 3.        | Tài sản dài hạn khác           |      | -                      | -                      |
| <b>260</b> | <b>V.</b> | <b>Lợi thế thương mại</b>      | 5.13 | 215.880.000            | 321.320.000            |
| <b>280</b> |           | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>       |      | <b>559.011.124.190</b> | <b>607.086.003.427</b> |

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                     | Thuyết minh | Cuối năm               | Đầu năm                |
|------------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>300</b> | <b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>                         |             | <b>434.572.205.774</b> | <b>452.831.058.089</b> |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         |             | <b>426.488.604.150</b> | <b>440.289.819.545</b> |
| 311        | 1. Vay và nợ ngắn hạn                         | 5.15        | 396.017.785.474        | 411.260.212.413        |
| 312        | 2. Phải trả người bán                         | 5.16        | 12.145.073.217         | 9.373.645.760          |
| 313        | 3. Người mua trả tiền trước                   | 5.17        | 820.469.215            | 1.745.974.380          |
| 314        | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 5.18        | 3.202.814.929          | 300.156.509            |
| 315        | 5. Phải trả người lao động                    |             | 7.831.282.673          | 9.068.926.833          |
| 316        | 6. Chi phí phải trả                           | 5.19        | 3.121.270.155          | 3.822.537.379          |
| 319        | 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 5.20        | 1.204.018.592          | 1.351.511.896          |
| 323        | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  |             | 2.145.889.895          | 3.366.854.375          |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                         |             | <b>8.083.601.624</b>   | <b>12.541.238.544</b>  |
| 333        | 1. Phải trả dài hạn khác                      | 5.21        | 6.932.859.478          | 8.026.194.478          |
| 334        | 2. Vay và nợ dài hạn                          | 5.22        | 1.150.742.146          | 4.054.701.506          |
| 336        | 4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm              |             | -                      | 460.342.560            |
| <b>400</b> | <b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                |             | <b>124.058.024.285</b> | <b>152.464.883.290</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | 5.23        | <b>124.058.024.285</b> | <b>152.464.883.290</b> |
| 411        | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  |             | 80.000.000.000         | 80.000.000.000         |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                       |             | 27.326.000.000         | 27.326.000.000         |
| 416        | 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                 |             | -                      | 663.306.568            |
| 417        | 4. Quỹ đầu tư phát triển                      |             | 20.358.116.399         | 16.450.227.865         |
| 418        | 5. Quỹ dự phòng tài chính                     |             | 4.777.850.827          | 3.622.131.793          |
| 420        | 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          |             | (8.403.942.941)        | 24.403.217.064         |
| <b>500</b> | <b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>        | 5.24        | <b>380.894.131</b>     | <b>1.790.062.048</b>   |
| <b>510</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    |             | <b>559.011.124.190</b> | <b>607.086.003.427</b> |

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị: đồng)

| Chỉ tiêu                                       | Thuyết minh | Cuối năm      | Đầu năm      |
|------------------------------------------------|-------------|---------------|--------------|
| 1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công | 6.13        | 2,435,113,951 | -            |
| 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi           |             | -             | -            |
| 2. Nợ khó đòi đã xử lý                         |             | -             | -            |
| 3. Ngoại tệ các loại (USD)                     | 5.1.2       | 119,284.18    | 1,226,126.52 |
| (EUR)                                          |             | 1,210.03      | 1,209.91     |
| (CAD)                                          |             | 350.87        | 8,030.77     |

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012 (Đơn vị: đồng)

| CHỈ TIÊU |                                                 | Thuyết minh | Năm nay          | Năm trước         |
|----------|-------------------------------------------------|-------------|------------------|-------------------|
| 1.       | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          |             | 996.884.684.425  | 1.378.070.120.530 |
| 2.       | Các khoản giảm trừ                              |             | 19.846.146.603   | 28.146.213.448    |
| 3.       | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 6.1         | 977.038.537.822  | 1.349.923.907.082 |
| 4.       | Giá vốn hàng bán                                | 6.2         | 900.228.187.825  | 1.253.656.190.882 |
| 5.       | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 76.810.349.997   | 96.267.716.200    |
| 6.       | Doanh thu hoạt động tài chính                   | 6.3         | 3.607.838.660    | 23.824.359.543    |
| 7.       | Chi phí tài chính                               | 6.4         | 44.779.862.777   | 44.663.620.937    |
|          | - Trong đó: Chi phí lãi vay                     |             | 43.117.119.291   | 39.277.002.328    |
| 8.       | Chi phí bán hàng                                | 6.5         | 35.179.168.908   | 33.038.461.644    |
| 9.       | Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 6.6         | 18.687.234.226   | 21.018.229.311    |
| 10.      | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         |             | (18.228.077.254) | 21.371.763.851    |
| 11.      | Thu nhập khác                                   | 6.7         | 7.431.996.723    | 18.574.962.500    |
| 12.      | Chi phí khác                                    | 6.8         | 280.011.679      | 15.960.168.506    |
| 13.      | Lợi nhuận khác                                  |             | 7.151.985.044    | 2.614.793.994     |
| 14.      | Lợi nhuận/ lỗ của công ty liên kết, liên doanh  | 6.9         | 1.502.704.576    | 1.737.997.815     |
| 15.      | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               |             | (9.573.387.634)  | 25.724.555.660    |
| 16.      | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành    | 6.10        | 20.758.853       | 1.859.272.770     |
| 17.      | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại     |             | -                | 8.000.000         |
| 18.      | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp        |             | (9.594.146.487)  | 23.857.282.890    |
| 18.1     | Lợi ích của cổ đông thiểu số                    |             | (1.097.849.600)  | 372.405.601       |
| 18.2     | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ   |             | (8.496.296.887)  | 23.484.877.289    |
| 20.      | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 6.11        | (1.062)          | 2.936             |

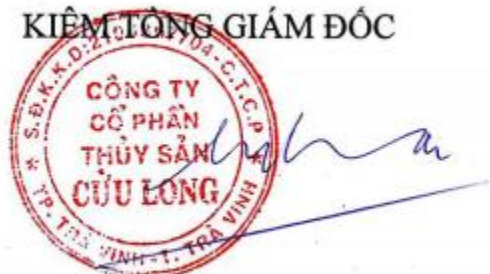
## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2012 (Đơn vị: đồng)

| Chỉ tiêu                                                                                   | Năm nay                 | Năm trước                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                          |                         |                          |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | (9.573.387.634)         | 25.724.555.660           |
| 2. Điều chỉnh các khoản                                                                    | 57.563.214.959          | 51.416.591.148           |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                                 | 14.445.415.668          | 15.962.340.664           |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | -                       | -                        |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                                        | -                       | -                        |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | -                       | 3.822.751.844)           |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 43.117.799.291          | 39.277.002.328           |
| 3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                        | 47.989.827.325          | 77.141.146.808           |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | (55.655.898.832)        | (33.380.647.315)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 71.411.276.290          | (215.906.234.609)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)        | (66.163.538.319)        | (5.730.490.608)          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | (286.969.624)           | 1.239.391.163            |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | (43.117.799.291)        | (38.707.028.911)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | -                       | (5.348.858.596)          |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 64.008.162.940          | -                        |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | -                       | -                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>18.185.060.489</b>   | <b>(220.692.722.068)</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                             |                         |                          |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                          | (1.328.761.727)         | (29.724.285.591)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                       | -                       | 18.574.962.500           |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | -                       | -                        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | -                       | -                        |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | -                       | -                        |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | -                       | 2.506.603.926            |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 759.421.382             | 885.428.919              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                           | <b>(569.340.345)</b>    | <b>(7.757.290.246)</b>   |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                         |                         |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | -                       | -                        |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | -                       | -                        |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 1.544.528.657.591       | 1.408.459.273.995        |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | (1.564.906.364.000)     | (1.213.669.950.894)      |
| 5. Tiền trả nợ thuê tài chính                                                              | -                       | -                        |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | (14.388.973.200)        | (11.920.361.750)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư tài chính</b>                                 | <b>(34.766.679.609)</b> | <b>182.868.961.351</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>                                           | <b>(17.150.959.465)</b> | <b>(45.581.050.963)</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                                                     | <b>32.242.131.397</b>   | <b>77.823.182.360</b>    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 185.403.180             | -                        |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                                                    | <b>15.276.575.112</b>   | <b>32.242.131.397</b>    |



Xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KIỂM TỌA GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN BANG

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012**

**CTCP Thủy sản Cửu Long**

**CLP**